

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Giao

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Phúc
2. Ông Trần Đăng Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà X, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/5/2020)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Đ 1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1995, sau đó đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, anh H là người nghiện rượu, không có trách nhiệm lo cho gia đình, khi say rượu về nhà đánh vợ con. Anh chị đã ly thân hơn 10 năm. Trong thời gian ly thân, anh H không thay đổi nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc C1, sinh ngày 11/01/1996 và Nguyễn Ngọc C2, sinh ngày 26/5/2007. Sau khi ly hôn, chị Thúy yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Ngọc H để hòa giải, anh H nhận thông báo nhưng không đến Tòa án.

\* Tại tờ trình bày ý kiến ngày 13/3/2020, cháu Nguyễn Ngọc C2 trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không gửi ý kiến trình bày bổ sung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là tranh chấp về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Ngọc H hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ 1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* Ngày 28/5/2020, nguyên đơn có gửi đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

#### *[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 04/9/2008. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị T và anh H được đoàn tụ, nhưng anh H đều không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được. Theo chị T trình bày, chị T và anh H đã ly thân hơn 10 năm, trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng; anh H nhận các thông báo của Tòa án nhưng không đến cũng như không có văn bản trình bày ý

kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ với chị T. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

**2.2 Về con chung:** Chị T trình bày chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc C1, sinh ngày 11/01/1996 và Nguyễn Ngọc C2, sinh ngày 26/5/2007. Cháu C1 đã trưởng thành nên anh chị không tranh chấp, riêng cháu C2 có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T và chị T cũng đồng ý nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị T và anh H ly thân, cháu C2 đều được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu C2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**2.3 Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

**[4] Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 04/9/2008 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H có hai con chung tên Nguyễn Ngọc C1, sinh ngày 11/01/1996 (đã thành niên) và Nguyễn

Ngọc C2, sinh ngày 26/5/2007. Chị T được quyền nuôi cháu Nguyễn Ngọc C2. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006761 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Giao**